TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 338/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Chí T, sinh ngày 01/01/1994 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Thị T2, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau); nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường S và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Nguyễn Yến T3 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Ngày 27/3/2024; có mặt.

2. Nguyễn Minh T1, sinh ngày 21/7/1987 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp L, xã B, tỉnh Cà Mau); nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B,

phường L, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Chiến sỹ Công an; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị H1; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Nguyễn Thị Ú (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Ngày 17/8/2024; có mặt.

3. Nguyễn Thị Ú, sinh ngày 01/01/1984 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q1 và bà Đỗ Thị D (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng là ông Nguyễn Minh T1 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Quốc N, sinh ngày 19/5/1986 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã B, tỉnh Cà Mau); nơi cư trú: Khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm H, xã T, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng B và bà Huỳnh Thị Ú1; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Phan Ngọc T4 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Ngày 05/6/2024; có mặt.

5. Huỳnh Minh Q, sinh ngày 13/6/1999 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là Ấp A, xã N, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B1 và bà Trương Thị N1; hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Lâm Thúy V và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam: Ngày 11/01/2025; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T:* Ông Nguyễn Hữu N2 là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thị Ú:* Ông Đặng Minh H2 là Luật sư của Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc N:* Ông Nguyễn Hồng N3 là Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bà Huỳnh Minh Q:* Ông Nguyễn Bá T5 là Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/6/2023, Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh C tiến hành kiểm tra cửa hàng mua bán xe máy cũ tên "N" do Nguyễn Quốc N làm chủ và phát hiện 06 xe mô tô (nhãn hiệu Yamaha, S1, Honda…) đã qua sử dụng không gắn biển kiểm soát, không có hồ sơ chứng minh nguồn gốc; 17 biển kiểm soát xe mô

tô (biển số 69) đã qua sử dụng không có hồ sơ, xe kèm theo; 18 hợp đồng mua bán xe máy (có chứng thực tại UBND xã T) có dấu hiệu lập khống. Cùng thời điểm nêu trên, Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh C cũng tiến hành kiểm tra, rà soát đối với công tác đăng ký xe mô tô, xe máy bị tịch thu và phát hiện 32 hồ sơ có dấu hiệu làm giả hợp đồng mua bán, quyết định tịch thu để hợp thức hóa việc đăng ký xe với giá trị cao hơn.

Sau khi điều tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã thu giữ được 142 hợp đồng mua bán xe được Ủy ban nhân dân xã T có dấu hiệu bị lập khống; đồng thời thu giữ được thêm 208 hồ sơ đăng ký xe có nguồn gốc bị tịch thu, thanh lý có dấu hiệu làm giả tại Phòng C Công an tỉnh C.

1. Hành vi "Giả mạo trong công tác" của bị cáo Nguyễn Quốc N và bị cáo Huỳnh Minh Q: Nguyễn Quốc N đã trao đổi và nhờ Trần Chí N4 - Công chức Tư pháp - Hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã T lập bản chứng thực, tham mưu và trình lãnh đạo là ông Lê Hoàng P - Chủ tịch và bà Nguyễn Thanh N5 - Phó Chủ tịch ký chứng thực. Theo đó, N được cấp 111 tờ chứng thực về hợp đồng mua bán xe sai quy định như tại thời điểm lập hợp đồng không có người mua - bán; tài sản mua bán không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc; hợp đồng mua bán bị giả chữ ký bởi N và Huỳnh Minh Q. Trong số 111 hợp đồng nêu trên, N đã giả chữ ký đối với 03 hồ sơ, còn Q thực hiện việc soạn thảo hợp đồng cũng như giả chữ ký đối với 108 hồ sơ còn lại theo sự chỉ đạo của N. Ngoài trả tiền phí chứng thực, N trả cho N4 50.000 đồng/lần chứng thực và hưởng lợi số tiền 2.100.000 đồng/lần.

2. Hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Đưa hối lộ" của bị cáo Nguyễn Chí T:

Bị cáo Nguyễn Chí T từng là chiến sĩ nghĩa vụ công tác tại Đại đội Cảnh sát Cơ động. Đến năm 2019, T xuất ngũ và chuyển sang kinh doanh mua bán xe máy cũ nên mở 01 cửa hàng xe máy tên "Thanh Thư", đồng thời làm dịch vụ đăng ký xe máy tại tỉnh Cà Mau. Trong khoảng thời gian này, T quen biết và thực hiện các giao dịch với Dương Văn N6, Võ Minh P1 để mua lại các xe máy cũ rồi làm thủ tục đăng ký và bán lại cho người khác nhằm mục đích thu lợi. Theo đó, T đã mua 53 "Hợp đồng mua bán, tặng cho xe" được chứng thực, đóng dấu khống của Ủy ban nhân dân một số xã trong địa phận các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long và Sóc Trăng để hợp thức hóa các hồ sơ đăng ký xe máy không rõ nguồn gốc, không đủ điều kiện hoặc sai quy định đối với trường hợp các xe máy phải đăng ký lại.

Do từng là chiến sĩ nghĩa vụ nên Nguyễn Chí T có quen biết với các cán bộ chiến sĩ Cảnh sát giao thông là Nguyễn Minh T1, Trần Chí Đ, Nguyễn Viết T6 và Châu Tấn C. Để thuận lợi cho việc làm thủ tục đăng ký nhanh các hồ sơ xe máy sai quy định hoặc không đủ điều kiện, T đã liên hệ với các đối tượng nêu trên để được chấp nhận cho đăng ký. Được sự đồng ý của T1, T6, Đ và C, T đưa cho 04 đối tượng số tiền 500.000 đồng/xe hoặc/01 lần đăng ký. Từ năm 2019 đến 2022, T đã nộp tổng cộng 249 hồ sơ, trong đó có 190 hồ sơ sai quy định

được T1, T6, Đ và C tiếp nhận, làm thủ tục đề xuất cấp giấy đăng ký và biển số xe. T đã chuyển số tiền 495.300.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của 04 đối tượng nêu trên, cụ thể: 176.800.000 đồng đối với T6; 127.000.000 đồng đối với Đ; 88.000.000 đồng đối với T1 và 103.500.000 đồng đối với C.

3. Hành vi "Nhận hối lộ" của Nguyễn Minh T1: Nguyễn Minh T1 là chiến sĩ công an công tác tại Đội đăng ký, quản lý phương tiện giao thông thuộc Phòng C Công an tỉnh C. Từ tháng 3/2020 đến tháng 05/2023, T1 đã tiếp nhận và ký đề xuất cấp đăng ký biển số xe đối với 32 hồ sơ do T nộp, trong đó có 24 hồ sơ đăng ký xe máy sai quy định. Theo đó, T đã chuyển vào tài khoản của T1 tổng cộng 16 lần với số tiền 88.000.000 đồng.

4. Hành vi "Giả mạo trong công tác" của Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thị Ú xảy ra tại Văn phòng C3:

Đối với Nguyễn Minh T1: Năm 2019, T1 đã trao đổi với Cao Thị Kiều D1, Công chứng viên của Văn phòng C3 để công chứng các hợp đồng mua bán xe sai quy định, với mục đích hợp thức hóa các hồ sơ đăng ký xe máy nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho T1 hưởng lợi từ việc mua bán xe thanh lý. Theo đó, D1 đã ký và cấp công chứng 10 hợp đồng mua bán xe cho T1.

Đối với Nguyễn Thị Ú: Nguyễn Thị Ú là vợ của T1 và cũng tham gia các giao dịch mua xe thanh lý để bán lại. Thông qua mối quan hệ của T1, Ú đã nhờ D1 công chứng tổng cộng 40 hợp đồng mua bán xe máy sai quy định.

Đối với Nguyễn Chí T: Khoảng cuối năm 2019, thông qua sự giới thiệu của T1, T đã gặp và trao đổi với D1 về việc công chứng các hợp đồng mua bán xe máy sai quy định của T. Theo đó, D1 đã ký cấp công chứng cho T tổng cộng 53 hợp đồng mua bán xe máy sai quy định. Trong số đó, T là người trực tiếp làm khống 32 hồ sơ, còn 21 hồ sơ còn lại là do Bùi Minh N7 - người làm thuê của T thực hiện. Theo sự chỉ đạo của T, N7 đến Văn phòng C3 giả chữ ký người mua, người bán trước mặt D1 để D1 công chứng khống rồi mang hợp đồng về.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định (tóm tắt):

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 08 (tám) năm tù về tội "Giả mạo trong công tác"; 03 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; 03 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; 04 năm tù về tội "Đưa hối lộ". Tổng hợp hình phạt chung của bốn tội bị cáo T phải chấp hành là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 27/3/2024.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N 12 (mười hai) năm tù về tội "Giả mạo trong công tác". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 05/6/2024.

3. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 07 (bảy) năm tù "Giả mạo trong công tác". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ú 07 (bảy) năm tù "Giả mạo trong công tác". Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 03 năm tù về tội "Giả mạo trong công tác"; 04 năm tù về tội "Nhận hối lộ". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo T1 phải chấp hành 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 17/8/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với những bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các tội danh "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Đưa hối lộ"; đề nghị xem xét lại tội danh "Giả mạo trong công tác".

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, các bị cáo Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q và Nguyễn Thị Ú kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin xem xét lại "Tội giả mạo trong công tác" vì cho rằng không có nhiệm vụ, quyền hạn trong Phòng công chứng, bị cáo chỉ giả chữ ký của người mua, bán xe; đối với những tội danh còn lại thì xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hoàn cảnh khó khăn, phạm tội lần đầu, gia đình có công với Cách mạng, bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong công tác. Các bị cáo Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q và Nguyễn Thị Ú đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì lý do nhận thức pháp luật hạn chế, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội của mình, gia đình có công với Cách mạng.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Vì động cơ vụ lợi, bị cáo Nguyễn Chí T đã mua 53 "Giấy tặng cho xe máy, Hợp đồng mua bán xe máy" đã được ký tên, đóng dấu chứng thực nhưng chưa ghi thông tin về nội dung để hợp thức hoá hồ sơ xe, đăng ký lại, bán cho khách hàng. Bị cáo tự ghi tên khống người mua, người bán vào hợp đồng đã có đóng dấu văn phòng công chứng và chữ ký của công chứng viên; tự ghi lời chứng thực của công chứng viên về hợp đồng. Bị cáo sử dụng 53 hồ sơ giả mạo này nộp tại Phòng C Công an tỉnh C để đăng ký biển số. Do không phát hiện là hồ sơ giả mạo nên Phòng C Công an tỉnh C đã chấp nhận đăng ký biển số xe cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã phạm "Tội giả mạo trong công tác" với vai trò là

đồng phạm với bị cáo Cao Thị Kiều D1. Bị cáo T kháng cáo kêu oan về hành vi này là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới nên không có sơ sở xem xét. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị Ú và bị cáo Nguyễn Minh T1 có quan hệ là vợ chồng, hiện đang nuôi hai con nhỏ, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 năm 2015; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; vai trò đồng phạm thứ yếu, không đáng kể do bị phụ thuộc vào bị cáo T1; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm một phần hình phạt cho bị cáo Ú để bị cáo có điều kiện sớm trở về chăm nuôi các con còn nhỏ và cũng là thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật. Ngoài ra, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đã xử phạt bị cáo Q 01 năm về "Tội trộm cắp tài sản"; bản án đang có hiệu lực pháp luật thi hành. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Q theo đúng quy định pháp luật.

- *Luật sư Nguyễn Hữu N2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T trình bày:* Bị cáo T không phải là người có nhiệm vụ tại Phòng Công chứng, không thỏa thuận hay bàn bạc với bị cáo D1; bị cáo chỉ là người ký vào giấy tờ do Phòng công chứng soạn sẵn nên bị cáo không đồng phạm với bị cáo D1 về hành vi giả mạo trong công tác; vì vậy, đề nghị xem xét lại tội danh này của bị cáo T. Đối với những tội danh còn lại, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; tự nguyện bồi thường phần thường trách nhiệm dân sự; có hoàn cảnh khó khăn; gia đình có công với cách mạng, được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến.

- *Bị cáo Nguyễn Chí T:* Thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Luật sư Đặng Minh H2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Nguyễn Thị Ú trình bày:* Đây là vụ án có tính chất đặc biệt khi bị cáo T1 và bị cáo Ú là vợ chồng. Hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có 02 con còn quá nhỏ cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, ăn năn hối cải trước hành vi phạm tội của mình; gia đình của hai bị cáo có công với Cách mạng, bản thân bị cáo T1 có thành tích trong quá trình công tác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, đặc biệt là bị cáo Ú.

- *Bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Nguyễn Thị Ú:* Thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Luật sư Nguyễn Hồng N3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc N trình bày:* Thống nhất về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Bị cáo phạm tội

lần đầu; có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình; nhân thân tốt; đã nộp lại tiền thu lợi bất chính; có con còn nhỏ.

- *Bị cáo Nguyễn Quốc N:* Thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Luật sư Nguyễn Bá T5 bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh Q trình bày:* Trong vụ án này, bị cáo N có độ tuổi nhỏ nhất nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế hơn bị cáo khác; sau khi phạm tội đã tỏ ra ăn năn, hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; có nhân thân tốt; có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- *Bị cáo Huỳnh Minh Q:* Nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Các bị cáo nói lời nói sau cùng:*

Bị cáo Nguyễn Chí T: Bị cáo vô cùng ân hận trước hành vi phạm tội của mình, bị cáo không nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Minh T1: Kính xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình và xin giảm nhẹ cho vợ bị cáo là bị cáo Nguyễn Thị Ú để chăm sóc con còn nhỏ dại.

Bị cáo Nguyễn Thị Ú: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo còn chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con còn nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Quốc N: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Huỳnh Minh Q: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q được làm trong thời hạn theo đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Năm 2015, bị cáo Nguyễn Chí T là chiến sĩ nghĩa vụ được phân công công tác tại Đại đội Cảnh sát Cơ động và quen biết với bị cáo Nguyễn Viết T6, Nguyễn Minh T1, Châu Tấn C là cán bộ chiến sĩ Cảnh sát giao thông. Năm 2019, bị cáo T xuất ngũ và hành nghề kinh doanh mua bán xe máy cũ, làm dịch vụ đăng ký xe máy tại tỉnh Cà Mau. Trong khoảng thời gian này, bị cáo T liên hệ mua xe máy cũ (xe thanh lý, xe bị tịch thu sung công quỹ, xe không rõ xuất xứ) của Dương Văn N6, Võ Minh P1 mang về Cà Mau làm thủ tục đăng ký sau đó bán lại cho người khác kiếm lời. Để hợp thức hóa các hồ sơ đăng ký xe máy không rõ nguồn gốc, không đủ điều kiện hoặc sai quy định khi cho đăng ký lại, bị cáo T đã mua 53 Hợp đồng mua bán, cho tặng xe được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực khống với giá 100.000 đồng/hợp đồng, sau đó lấy thông tin của

những người quen hoặc người từng mua bán xe với mình và thông tin xe mô tô, xe máy trong hồ sơ xe do N6, P1 cung cấp ghi vào hợp đồng để hợp thức hồ sơ thành xe mua bán hợp pháp. Bị cáo T đã sử dụng 53 hồ sơ này, đăng ký và được cấp biển số cho 53 xe máy. Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, bị cáo T đã nộp hồ sơ đăng ký xe máy trong đó có 249 lần/190 hồ sơ sai quy định được các bị cáo T6, Đ, T1, C tiếp nhận làm thủ tục đề xuất cấp giấy đăng ký, biển số xe. Bị cáo T đã chuyển tiền từ tài khoản cá nhân vào tài khoản của T6, Đ, T1, C tổng cộng 495.300.000 đồng, trong đó chuyển cho bị cáo T6 176.800.000 đồng, bị cáo Đ 127.000.000 đồng, bị cáo T1 88.000.000 đồng và bị cáo C 103.500.000 đồng.

Đối với bị cáo Cao Thị Kiều D1 là Công chứng viên của Văn phòng C3 đã thỏa thuận với các bị cáo Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Chí T đồng ý công chứng không đúng quy định các hợp đồng mua bán xe máy như không có mặt người bán, người mua, cho ký giả tên người mua, người bán; việc mua bán xe không có thật… với phí cho mỗi hợp đồng công chứng là 100.000 đồng. Kết quả điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2023, bị cáo D1 đã ký cấp công chứng cho 103 hợp đồng mua bán xe máy giả, trong đó cấp công chứng cho T1 10 hợp đồng, bị cáo Ú 40 hợp đồng, bị cáo T 53 hợp đồng (trong đó bị cáo T làm khống 32 hồ sơ, còn lại 21 hồ sơ do Bùi Minh N7 là người làm thuê cho cửa hàng của T thực hiện), tổng số tiền thu lợi bất chính là 10.300.000 đồng.

Đối với bị cáo Trần Chí N4, là công chức Tư pháp - Hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã T, được phân công nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo trong công tác chứng thực giao dịch dân sự. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ, bị cáo N4 thống nhất với bị cáo Nguyễn Quốc N, là Chủ hộ kinh doanh mua bán xe máy cũ "Nhân", về việc cấp chứng thực các hợp đồng mua bán xe không đảm bảo về thủ tục chứng thực do bị cáo N cung cấp. Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 7/2023, bị cáo N4 đã lập bản chứng thực trình lãnh đạo là Chủ tịch Lê Hoàng P, các Phó Chủ tịch Lê Tuấn A và Nguyễn Thanh N5 ký chứng thực, cấp cho bị cáo N 111 tờ chứng thực hợp đồng mua bán xe sai quy định như: Người mua, người bán không có mặt, không trực tiếp ký tên vào hợp đồng; không có bản gốc giấy tờ tuỳ thân; không giấy tờ chứng minh nguồn gốc tài sản; việc mua bán không có thật; bị cáo N hoặc bị cáo Huỳnh Minh Q (là người làm thuê cho N) ký giả chữ ký của người bán, người mua trong hợp đồng mua bán xe. Trong tổng số 111 hồ sơ chứng thực, bị cáo N trực tiếp ký giả 03 hồ sơ, còn lại 108 hồ sơ do bị cáo Q ký giả theo sự chỉ đạo của bị cáo N. Ngoài phí chứng thực theo quy định, bị cáo N4 được bị cáo N trả cho tổng cộng là 2.100.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như trên, bị cáo Nguyễn Chí T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", "Tội giả mạo trong công tác" và "Tội đưa hối lộ"; bị cáo Ngyễn Minh T7 bị xét xử về "Tội nhận hối lộ" và "Tội giả mạo trong công tác"; bị cáo Huỳnh Minh Q, bị cáo Nguyễn Thị Ú và bị cáo

Nguyễn Quốc N bị xét xử về "Tội giả mạo trong công tác" theo quy định tại các điều 341, 354, 359, 364 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, chỉ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí T, mặc dù kháng cáo cho rằng bản thân không phải là nhân viên của Phòng C4, không thỏa thuận hay nhận tiền từ bị cáo D1, nên không phạm "Tội giả mạo trong công tác". Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2023, bị cáo T đã thỏa thuận với Công chứng viên Cao Thị Kiều D1 thực hiện việc công chứng không đúng quy định tổng cộng 53 hợp đồng mua bán xe máy, trong đó bị cáo T làm khống 32 hồ sơ, còn lại 21 hồ sơ do bị cáo Nhật thực H3 theo chỉ đạo của bị cáo T. Với việc làm, cấp hợp đồng mua bán xe máy giả của bị cáo D1 theo yêu cầu của bị cáo T như trên đã thỏa mãn hành vi khách quan của "Tội giả mạo trong công tác" theo quy định tại Điều 359 Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo D1 với vai trò là đồng phạm trong vụ án. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo T không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội; mỗi bị cáo trong vụ án được xác định là một mắt xích quan trọng trong quy trình hợp thức hóa hồ sơ mua bán xe không rõ nguồn gốc thành hồ sơ mua bán xe hợp pháp, thông qua đó những xe có nguồn gốc bất hợp pháp như trộm cắp, cướp giật.. được lưu thông trên thị trường hợp pháp, gây thất thu thuế cho Nhà nước và ảnh hưởng tới quản lý Nhà nước về phương tiện giao thông. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính, làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn, bình thường, chuẩn mực của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội mà còn tiếp tay cho việc mua bán xe bất hợp pháp, gián tiếp làm gia tăng tệ nạn chiếm đoạt xe vốn đã gây nhức nhối trong nhiều năm qua và cũng là nguyên nhân sâu xa phát sinh những loại tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì động cơ vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác, nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện thái độ coi thường pháp luật; do đó, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2.4] Về tình các tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo kháng cáo:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Chí T, Huỳnh Minh Q, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Ú, Nguyễn Quốc N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, các bị cáo T, Q, T1, Ú, N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường 50.000.000 đồng cho người mua xe máy liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; có bà nội là Tô Thị Y tham gia cách mạng; quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để khám phá nhanh vụ án, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T1 nhiều lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng 3; có cha tham gia cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến; có ông bà ngoại là Trần Văn C1, bà Quách Xiếu L1 tham gia Cách mạng được tặng Huân chương, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ú đã nộp 30.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả cho người mua xe bị thu hồi xuất phát từ lỗi của bị cáo; chồng của bị cáo cũng chính là bị cáo trong vụ án này; nhận thức pháp luật của bị cáo có phần hạn chế; có ông nội Nguyễn Văn C2 là liệt sỹ, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N có cha là thương binh 4/4; có ông và bà nội tham gia Cách mạng được tặng huy chương kháng chiến, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Q có ông nội là Huỳnh Tấn Q2 được tặng Huân chương kháng chiến; giữ vai trò đồng phạm giúp sức, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trên, đồng thời phân hóa vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo trong vụ án, đặc biệt là những bị cáo có vai trò thứ yếu, không đáng kể, từ đó xử phạt các bị cáo với mức án như đã tuyên xử là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2.6] Tuy nhiên trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo Ú có phần hạn chế do bị phụ thuộc bị cáo T1; bị cáo giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể, phạm tội lần đầu; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đặc biệt, chồng của bị cáo cùng bị xử phạt tù về hành vi giả mạo trong công tác và nhận hối lộ với mức hình phạt 07 năm tù; đồng thời hiện tại bị cáo Ú đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con còn nhỏ (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016). Với điều kiện, hoàn cảnh đặc biệt và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Ú đủ điều kiện được Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng mà không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ú và đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, giảm cho bị cáo Ú

một phần phạt để bị cáo sớm trở về nuôi dưỡng, giáo dục các con nhỏ còn đang trong quá trình hoàn thiện thể chất, tinh thần cần thiết phải có sự chăm sóc của người mẹ và cũng là để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 04/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đã xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 01 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản". Sau khi xét xử, bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành. Do vậy, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt 01 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm nêu với hình phạt tù của bản án này.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Chí T, Huỳnh Minh Q, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quốc N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Ú không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quốc N, Huỳnh Minh Q; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Ú; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Ú.

- Tuyên xử:

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 359, điểm a khoản 3 Điều 341, điểm đ, e khoản 2 Điều 364, điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 08 (tám) năm tù về "Tội giả mạo trong công tác"; 03 (ba) năm tù về "Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; 03 (ba) năm tù về "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; 04 (bốn) năm tù về "Tội đưa hối lộ". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Chí T phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2024.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 359, điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 03 (ba) năm tù về "Tội giả mạo trong công tác"; 04 (bốn) năm tù về "Tội nhận hối lộ". Tổng hợp hình phạt, buộc bị

cáo Nguyễn Minh T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2024.

3. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 359, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ú 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù về "Tội giả mạo trong công tác". Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

4. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc N 12 (mười hai) năm tù về "Tội giả mạo trong công tác". Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2024.

5. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 359, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 07 năm tù về "Tội giả mạo trong công tác". Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đã xử phạt bị cáo Huỳnh Minh Q 01 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo Huỳnh Minh Q phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2025.

- Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Quốc N và Huỳnh Minh Q để đảm bảo thi hành án.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam 01 Công an tỉnh Cà Mau;
- Các bị cáo;
- UBND phường Lý Văn Lâm;
- Lưu HSVA, VP, NTCL.